

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 10/2023/DS-ST

Ngày 23-3-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nông Thị Lương, chức vụ:  
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên  
tòa:** Bà Nguyễn Thùy Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 430/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2023/QĐST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2023, Thông báo v/v chuyển thời gian xét xử ngày 27/2/2023 giữa:

**- Nguyên đơn:** Bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C, sinh năm 1967 và ông Trịnh Minh C. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Bà Trần Thị Lệ T, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn bà Trương Thị N và Trịnh Minh C trình bày:**

Bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C là vợ chồng, ông C và bà N không có mối quan hệ gì với bà Trần Thị Lệ T.

Vào ngày 10/10/2022, bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C có cho bà Trần Thị Lệ T vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền, không thỏa thuận lãi suất, bà Trần Thị Lệ T có ký nhận phía dưới giấy vay và hẹn đến ngày 25/10/2022 sẽ trả đủ số tiền trên cho

bà N. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ thì bà T không thực hiện như thỏa thuận. Mặc dù vợ chồng bà N, ông C đã yêu cầu nhiều lần.

Do đó ông Trịnh Minh C và bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị Lệ T phải trả cho vợ chồng ông C, bà T số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) nợ gốc và trả lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật. Ngoài ra ông C, bà T không có yêu cầu gì thêm.

**\* Bị đơn bà Trần Thị Lệ T trình bày:**

Bị đơn bà Trần Thị Lệ T nhất trí với lời trình bày nêu trên của nguyên đơn bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C và ông Trịnh Minh C. Bà T thừa nhận: Bà T và bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C không có mối quan hệ gì.

Vào ngày 10/10/2022, Bà T có vay bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền, không thỏa thuận lãi suất, Bà T có ký nhận phía dưới giấy vay và hẹn đến ngày 25/10/2022 sẽ trả đủ số tiền trên cho bà N. Mục đích vay tiền là để sử dụng cho cá nhân bà T, chồng của bà T là ông Phan Văn H không biết và không liên quan đến số tiền trên. Sau khi vay, khi đến hạn trả nợ do bà T đang gặp khó khăn nên chưa trả nợ cho bà N như thỏa thuận được.

Nay bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà T phải trả cho vợ chồng bà N số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) nợ gốc và trả lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật. Ý kiến của bà T là: Do đang khó khăn nên chưa trả ngay được, bà T xin được kéo dài thêm thời hạn trả nợ là chậm nhất ngày 30/3/2023, bà T sẽ trả đủ số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định.

**\* Ý kiến của nguyên đơn bà Trương Thị N và Trịnh Minh C:** Bà N và ông C không đồng ý việc bà T xin kéo dài thêm thời hạn trả nợ và đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả một lần và trả ngay cho ông C, bà N số tiền vay gốc 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) và lãi suất chậm trả theo quy định.

**\* Ý kiến của bị đơn bà Trần Thị Lệ T:** Bà T không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cho các đương sự làm bản tự khai và tiến hành công khai chứng cứ và hoà giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án tiến hành thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật và căn cứ Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Nay bà N, ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Lệ T phải trả cho chị tổng số tiền là 20.830.000 đồng (*Hai mươi triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*), trong đó: số tiền vay gốc là

20.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật (10%/năm) tính từ 25/10/2022 cho đến ngày xét xử hôm nay (23/3/2023) là 830.000 đồng.

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C.

Buộc Bà Trần Thị Lệ T có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C số tiền : 20.830.000 đồng (Hai mươi triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng), trong đó: tiền nợ gốc: 20.000.000 đồng; Lãi suất từ ngày 25/10/2022 đến ngày xét xử ngày 23/3/2023 là 830.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về tố tụng:**

*Về quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện của bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Đây là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và Điều 463 BLDS năm 2015.

*Về thẩm quyền:* Tại thời điểm bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C khởi kiện bị đơn bà Trần Thị Lệ T có địa chỉ tại: Thôn H, xã Hòa Tiến, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

*Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn bà Trần Thị Lệ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C và ông Trịnh Minh C có đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị Lệ T vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

**[2] Về nội dung:** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C yêu cầu bà Trần Thị Lệ T phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc 20.000.000 đồng và lãi suất chậm theo quy định của pháp luật (10%/năm) tính từ 25/10/2022 cho đến khi trả xong nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án thì các bên đều thừa nhận có việc thỏa thuận vay mượn tiền của nhiều lần tuy nhiên không thống nhất được với nhau về tổng số tiền đã vay mượn của nhau cũng như số tiền mà bị đơn còn nợ nguyên đơn. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận đó là sự thật và xác định giữa hai bên có thỏa thuận việc vay tài sản là tiền, có giao dịch vay tiền của nhau và thỏa thuận của hai bên xuất phát là hoàn toàn việc tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng vay tài sản được điều chỉnh tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**[2.1] Về xem xét, đánh giá các tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp và do Tòa án đã tiến hành thu thập được.**

Xét thấy việc vay mượn giữa các bên là có và việc vay mượn tiền này được thực hiện bằng hình thức vay mượn, khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền, không thỏa thuận lãi suất, bà Trần Thị Lệ T có ký nhận phía dưới giấy vay và hạn đến ngày 25/10/2022 sẽ trả đủ số tiền trên cho bà N. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ thì Bà T không thực hiện như thỏa thuận. Mặc dù vợ chồng bà N, ông C đã yêu cầu nhiều lần. Quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn bà Trần Thị Lệ T đồng ý và nhất trí với lời trình bày về việc vay mượn của nguyên đơn bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C. Tuy nhiên, do đang khó khăn nên chưa trả ngay được, Bà T xin được kéo dài thêm thời hạn trả nợ là chậm nhất ngày 30/3/2023, Bà T sẽ trả đủ số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định.

Do cả hai bên nguyên đơn và bị đơn chỉ đồng ý về số tiền nợ gốc và đều không đồng ý và thống nhất trong việc xác định thời gian trả nợ.

Từ những căn cứ trên, HĐXX xét thấy: Việc giao kết hợp đồng vay mượn tiền của nguyên đơn bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C với bị đơn bà Trần Thị Lệ T từ ngày 10/10/2022 đến ngày 25/10/2022 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định của pháp luật. Kể từ khi vay đến nay bà T chưa chịu trả đầy đủ số tiền mà bà T đã cho vay nên Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

**Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định:**

*“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.*

Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C buộc bà Trần Thị Lệ T phải có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C số tiền gốc còn nợ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) là có căn cứ cần được chấp nhận.

**[3] Về lãi suất chậm trả:**

Nguyên đơn bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C cho rằng khi vay vì tin tưởng nên cho vay không thỏa thuận lãi suất và chỉ thỏa thuận thời gian trả nợ là ngày 25/10/2022.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ đã được Toà án thu thập được thì hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là không thỏa thuận được về vấn đề lãi suất chậm trả thì lãi suất chậm trả sẽ được xác định theo nội dung quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản 4 Điều 466 BLDS năm 2015 quy định: *“4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”.*

Do đó theo khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bà Trần Thị Lệ T không trả nợ cho bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C, do đó Bà T phải chịu tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được áp dụng theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm.

**[3.1] Về xác định thời hạn trả nợ và thời điểm tính lãi suất chậm trả:**

Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập kể từ thời điểm 10/10/2022 cho đến năm 25/10/2022 nên có cơ sở để áp dụng quy định tại Điều 466 BLDS năm 2015, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao để xem xét và chấp nhận cho nguyên đơn được hưởng một khoản tiền lãi chậm trả tính từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết thời hạn trả nợ cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015, cụ thể:

Tiền lãi tính mốc thời gian từ ngày 25/11/2023 đến ngày xét xử (ngày 23/3/2023) là 150 ngày để điều chỉnh việc tính lãi, cụ thể: buộc bà Trần Thị Lệ T trả tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà N, ông C như sau: 20.000.000 đồng x 10%/năm x 150 ngày (tính từ 25/10/2022 cho đến ngày xét xử hôm nay 23/3/2023 = 830.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà Trần Thị Lệ T có nghĩa vụ trả cho bà N, ông C tổng số tiền vay gốc và tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày vi phạm 25/10/2022 đến ngày xét xử ngày 23/3/2023 là: 20.830.000 đồng (Hai mươi triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng), trong đó nợ gốc: 20.000.000 đồng; Lãi suất chậm trả là 830.000 đồng là có căn cứ và phù hợp.

#### **[4] Về án phí:**

[4.1] Do yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị Lệ T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định với số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.041.500 đồng (Một triệu không trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng).

[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

#### **Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**[1] Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C.

1.1. Buộc bà Trần Thị Lệ T có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C số tiền : 20.830.000 đồng (Hai mươi triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng), trong đó: tiền nợ gốc: 20.000.000 đồng; Lãi suất từ ngày 25/10/2022 đến ngày xét xử ngày 23/3/2023 là 830.000 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

#### **[2] Về án phí:**

[2.1] Nguyên đơn bà Trương Thị N và ông Trịnh Minh C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 500.000 đồng

chị Thảo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số 60AA/2021/0006632 ngày 29/11/2022.

[2.2] Bị đơn bà Trần Thị Lệ T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.041.500 đồng (Một triệu không trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng).

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(ĐÃ KÝ)

**Nguyễn Thành Tâm**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thành Tâm**



